TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐĂKLĂK
Bản án số: 21/2020/HS - ST
Ngày: 27 – 4 - 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Diệu
***Các Hội thẩm*:**
1. Ông Trương Minh Mẫn
2. Ông Nguyễn Văn Mạnh

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Vũ Đức Đuống – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Thắng, Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 27 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh ĐăkLăk, xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 22/2020/HSST ngày 03 tháng 4 năm 2020, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST - HS ngày 13 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thị T; Tên gọi khác: Trần Thị T H, Trần Thị H

Sinh năm 1957; tại tỉnh Hà Tĩnh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Không; Tiền sự: không

Tiền án: 02 tiền án, Ngày 17 tháng 9 năm 2015 bị Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai xử phạt 09 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999. Ngày 07/02/2016 chấp hành xong hình phạt.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện KrôngNăng, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

Con ông Trần Văn T1 (Trần Văn T2, Trần Văn M) đã chết và con bà Lê Thị D đã chết.

Có chồng là Trần Bá T3, sinh năm 1955 (đã ly hôn), có 01 con chung sinh năm 1979.

Nhân thân: Ngày 20 tháng 7 năm 2000 bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Nông, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông) xử phạt 04 tháng 23 ngày tù về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự 1985. Trả tự do tại phiên tòa.

Ngày 24 tháng 01 năm 2007 bị Tòa án nhân dân huyện huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

Ngày 17 tháng 9 năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xử phạt 03 năm tù về tội " Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, ngày 30 tháng 11 năm 2010 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phúc thẩm y án.

Bị cáo hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện CưMgar từ ngày 15/01/2020, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Bà Phan Thị H, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: 221 H, tổ dân phố N, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- Người làm chứng:

+ Bà Phạm Thị X, sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: TDP T, TT.E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

+ Bà Trần Thị H1, sinh năm: 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khối P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 15/01/2020 Trần Thị T mang theo một bao nilon màu đen, 01 bao xác rắn màu xanh bắt xe ôm từ thành phố B xuống chợ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk để trộm cắp tài sản. Đến khoản 9 giờ 15 phút cùng ngày, khi đến nơi vào trong chợ T quan sát thấy bà Phan Thị H đang đứng mua rau củ tại sạp của chị Phạm Thị X lúc này bà H đang đeo một túi xách màu đỏ, không kéo khóa, bên trong có để 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A50S, màu xanh. T tiếp cận giả vờ mua rau, lợi dung sơ hở của bà H, T thò tay phải lấy chiếc điện thoại của bà H bỏ vào túi nilon đã chuẩn bị sẵn từ trước bỏ đi. Khi T đi được khoảng 15m thì bị bà H và người dân phát hiện đuổi theo bắt giữ được T cùng tang vật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL - HĐĐGTS ngày 16/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện CưM'gar đã kết luận: Chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A50S màu xanh trị giá 3.500.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar đã tạm giữ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A50S màu xanh; 01 túi nilon màu đen, 01 bao xác rắn màu xanh có kích thước (1,2 x 0,6m).

Tại cáo trạng số 20/CT - VKS ngày 03 tháng 4 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar đã truy tố bị cáo Trần Thị T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Thị T như nội dung cáo trạng và đưa ra

các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h,s khoản 1 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Trần Thị T từ 18 đến 24 tháng tù

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015. Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar đã trả lại 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A50S màu xanh cho bà Phan Thị H là chủ sở hữu hợp pháp. Tịch thu tiêu hủy 01 túi nylon màu đen, 01 bao xác rắn màu xanh có kích thước (1,2 x 0,6)m là công cụ bị cáo dùng để phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Phan Thị H không yêu cầu bồi thường nên không đề cập để giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến đối đáp tranh luận gì, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện CưM'gar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi của mình đã thực hiện. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 9 giờ 15 phút, ngày 15 tháng 01 năm 2020 tại chợ Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Trần Thị T đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A50S màu xanh của bà Phan Thị H thì bị phát hiện xử lý. Tài sản trộm cắp tổng giá trị 3.500.000 đồng

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Thị T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 quy định

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

……..

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) ....

g) Tái phạm nguy hiểm."

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người bị hại, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và nhận thức, bị cáo phải biết tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động nên bị cáo đã trộm cắp 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A50S màu xanh của bà Phan Thị H trị giá 3.500.000 đồng. Do đó cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

Về nhân thân: Ngày 20 tháng 7 năm 2000 bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Nông, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông) xử phạt 04 tháng 23 ngày tù về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự 1985. Trả tự do tại phiên tòa; Ngày 24 tháng 01 năm 2007 bị Tòa án nhân dân huyện huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999; Ngày 17 tháng 9 năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xử phạt 03 năm tù về tội " Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, ngày 30 tháng 11 năm 2010 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phúc thẩm y án.

Ngoài ra bị cáo còn có 02 tiền án: Ngày 17 tháng 9 năm 2015 bị Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai xử phạt 09 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 đến ngày Chấp hành án tại trại giam Gia Trung đến ngày 07/02/2016 chấp hành xong hình phạt. Ngày 16 tháng 4 năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện KrôngNăng, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, đến ngày 13/9/2018 chấp hành xong hình phạt nhưng bị cáo chưa chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Tính đến ngày phạm tội 15 tháng 01 năm 2020 bị cáo chưa được xóa án tích 02 bản án nêu trên, do đó trong vụ án này bị cáo phạm tội với tình tiết định khung " tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo giá trị tài sản bị cáo trộm cắp giá trị không lớn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Với tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[3] Về vật chứng: Ngày 16 tháng 01 năm 2020 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A50S màu xanh cho bà Phan Thị H là chủ sở hữu hợp pháp. Xét việc trao trả trên là phù hợp cần chấp nhận.

Đối với 01 túi nylon màu đen, 01 bao xác rắn màu xanh có kích thước (1,2 x 0,6m) bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bà Phan Thị H không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] ***Tuyên bố:*** Bị cáo **Trần Thị T,** Tên gọi khác: Trần Thị T H, Trần Thị H phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Thị T, Tên gọi khác: Trần Thị T H, Trần Thị H 02 (hai) năm tù

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/01/2020.

[2] **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự 2015

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar đã trả lại 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A50S màu xanh cho bà Phan Thị H là chủ sở hữu hợp pháp.

Tịch thu tiêu hủy 01 túi nylon màu đen, 01 bao xác rắn màu xanh có kích thước (1,2 x 0,6)mét.

(Tình trạng thực tế tang vật theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/4/2020 giữa Cơ quan điều tra – Công an huyện CưMgar và Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưMgar)

[4] **Về án phí:** Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Thị T (Trần Thị T H, Trần Thị H) phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKS tỉnh; TA tỉnh ĐakLak ;*
- *Sở Tư pháp ĐakLak;*
- *Vụ giám đốc kiểm tra I;*
- *VKS huyện CưM'gar;*
- *CA huyện CưM'gar;*
- *Thi hành án dân sự;*
- *Thi hành án HS ;*
- *Bị cáo; bị hại;*
- *Lưu văn thư; hồ sơ.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huyền Diệu